

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

Bản án số: 87/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 15/6/2026

Về việc: “Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tình.
2. Ông Nguyễn Vinh Hiến.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên; thư ký Toà án nhân dân khu vực - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 343/2025/TLST- HN&GĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2026/QĐXXST- HN&GĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 109/2026/QĐST- HN&GĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 2004 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: K, phường T, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD: 040304018645.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm: 2002 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn S, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD: 040202018268.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2020 nhưng chưa đi đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật. Đến ngày 16/11/2022, chị và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ

An). Sau khi kết hôn, chị và anh Đ chung sống với nhau bình thường. Đến năm 2024, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh Đ bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng nhiều điểm khác biệt về lối sống, suy nghĩ và cách ứng xử. Những bất đồng ngày càng nghiêm trọng, dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên, không còn chia sẻ, thấu hiểu nhau. Chị và anh Đ đã nhiều lần cố gắng hoà giải, trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2025 cho đến nay, không còn tình cảm, không còn quan tâm, thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn Đ theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn Đ có 02 con chung là Trần Thị Kim C, sinh ngày 09/10/2020 và Trần Thị An N, sinh ngày 10/7/2023. Hiện nay các đang do anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại đơn khởi kiện chị giao các con chung cho anh Đ được chăm sóc nuôi dưỡng nay nếu ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Thị An N, sinh ngày 10/7/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị giao cho anh Trần Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Thị Kim C, sinh ngày 09/10/2020. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị.

Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty G tại Khu công nghiệp H, phường H, tỉnh Nghệ An. Chị có thu nhập lương hàng tháng từ 09 đến 11 triệu đồng. Chị đang ở ổn định cùng với gia đình bố mẹ đẻ tại khối A, phường T, tỉnh Nghệ An.

Nếu được Toà án giao cho chị nuôi con thì chị cam kết sắp xếp thời gian, công việc, giành điều kiện tốt nhất để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khôn lớn, trưởng thành.

- Về tài sản chung riêng và nợ: Chị và anh Trần Văn Đ tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn Đ, gia đình của anh Đ đã nhận và đã gửi trực tiếp cho anh Đ. Anh Đ cũng đã biết được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu xin ly hôn, giải quyết về trách nhiệm nuôi con chung của chị H.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An phát biểu ý kiến như sau: - Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị :

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là Trần Thị An N, sinh ngày 10/7/2023 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung là Trần Thị Kim C, sinh ngày 09/10/2020 cho anh Trần Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung gì đáng kể, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H với bị đơn anh Trần Văn Đ. Hiện tại bị đơn anh Trần Văn Đ đang có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn S, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc cũng như để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, vắng mặt lần thứ hai nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2022 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh Đ bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng nhiều điểm khác biệt về lối sống, suy nghĩ và cách ứng xử. Những bất đồng ngày càng nghiêm trọng, dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên, không còn chia sẻ, thấu hiểu nhau. Chị và anh Đ đã nhiều lần cố gắng hoà giải, trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.. Hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng với nhau, không còn quan tâm gì đến nhau, bản thân chị H, anh Đ hiện đã sống ly thân được từ tháng 6/2025 cho đến nay, chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Do anh Đ không tham gia làm việc tại Tòa án nên Tòa án không thể phân tích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Chị H xin ly hôn anh Đ, anh Đ không trình bày ý kiến, qua quá trình xác minh tại gia đình của anh Đ cũng đã thể hiện anh Đ ham chơi, không còn quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn Đ có 02 con chung là Trần Thị An N, sinh ngày 10/7/2023 và Trần Thị Kim C, sinh ngày 09/10/2020. Các con chung hiện nay đang ở với anh Đ. Tại đơn khởi kiện chị đề nghị giao các con chung cho anh Đ tuy nhiên trong quá trình Toà án giải quyết chị H có lời trình bày xin được nuôi con chung là Trần Thị An N và cam kết có đủ khả năng cũng như điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung khôn lớn trưởng thành. Đây là nguyện vọng chính đáng của bố mẹ đối với con chung xét điều kiện hiện nay chị H đang làm công nhân tại Công ty giày da ANDROMEDA thu nhập hàng tháng từ 9.000.000đ đến 11.000.000đ có nơi ở ổn định tại K, phường T có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị H giao con chung là Trần Thị An N cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với con chung Trần Thị Kim C hiện nay đang ở ổn định với anh Đ, qua xác minh tại gia đình anh Đ đang làm thợ sơn các công trình gần nhà thu nhập hàng tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ cũng có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, quyền lợi mọi mặt của con trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho chị H, anh Đ nuôi con. Nên giao con chung là Trần Thị An N cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung là Trần Thị

Kim C cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung sau khi đã ly hôn là phù hợp theo Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị, anh Đ không có ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu chị H, anh Đ có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Anh Trần Văn Đ không có lời trình bày về việc chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu chị H, anh Đ có yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ khởi kiện bằng vụ án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

[2.4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 57, 58, và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung là Trần Thị An N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/2023 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là Trần Thị Kim C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 09/10/2020 cho anh Trần Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H, anh Đ nếu có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện vụ án chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0003844 ngày 22/12/2025. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Tình Nguyễn Vinh H1

Nguyễn Hữu H2

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 - Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Anh;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Huy

